

Số: /STC-TCHCSN

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày tháng 8 năm 2021

V/v hướng dẫn xây dựng dự toán
ngân sách nhà nước năm 2022, kế
hoạch tài chính - ngân sách nhà nước
03 năm 2022 - 2024.

Kính gửi:

- Văn phòng Tỉnh uỷ;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể trực thuộc tỉnh;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tỉnh;
- Bảo hiểm Xã hội tỉnh.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm; Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm;

Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Nghị định 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Căn cứ Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm.

Căn cứ Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2022-2024 (viết tắt Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26/7/2021 của Bộ Tài chính).

Để chuẩn bị cho công tác xây dựng dự toán ngân sách nhà nước 2022 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2022 - 2024, Sở Tài chính đề Quý cơ quan, đơn vị nghiên cứu các văn bản quy định nêu trên để tổ chức thực hiện tại đơn vị

minh và hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện; đồng thời khẩn trương thực hiện các nội dung sau:

A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NSNN NĂM 2021

Đề nghị các cơ quan, đơn vị thực hiện đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ ngân sách nhà nước năm 2021 theo các nội dung hướng dẫn tại Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9 Chương I Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26/7/2021 của Bộ Tài chính.

Đánh giá cụ thể tình hình và kết quả thực hiện của từng nhiệm vụ ngân sách nhà nước được giao thực hiện trong năm 2021, *trong đó, lưu ý một số nội dung sau:*

1. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu năm 2021

a) Báo cáo kết quả thực hiện thu 6 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2021, trong đó, báo cáo chi tiết theo từng khoản thu, có thuyết minh, đánh giá cụ thể các yếu tố tác động tăng, giảm thu và phân tích nguyên nhân ảnh hưởng đến các khoản thu, đồng thời kiến nghị các giải pháp điều hành nhằm phấn đấu thực hiện thu cao nhất năm 2021 (lưu ý, tập trung làm rõ những thuận lợi, khó khăn, nhất là tác động của đại dịch Covid-19 và các yếu tố khác ảnh hưởng đến kết quả thu ...).

b) Đánh giá tình hình thu phí và lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí (đánh giá số thu phí, lệ phí theo quy định; số thu phí nộp NSNN; số thu phí được để lại); thu xử phạt vi phạm hành chính, thu phạt, tịch thu và các khoản nộp NSNN khác trong năm 2021 theo Luật Xử phạt vi phạm hành chính và các văn bản pháp luật có liên quan.

c) Đánh giá các khoản thu được để lại năm 2021 đối với các cơ quan hành chính nhà nước được hưởng cơ chế đặc thù theo quy định của các cấp thẩm quyền, chi tiết nguồn phí để lại, các khoản thu được quy định tại các Luật chuyên ngành khác hoặc tại các văn bản pháp luật khác mà Luật NSNN, Luật phí và lệ phí chưa quy định cụ thể là nguồn thu NSNN (dưới đây gọi là thu nghiệp vụ), khoản trích qua công tác thanh tra, kiểm toán, các nguồn thu hợp pháp theo quy định (nếu có) và dự kiến số lũy kế còn lại đến hết năm 2021.

d) Đánh giá các khoản thu của các đơn vị sự nghiệp công lập (ngoài nguồn NSNN), trên cơ sở đó xác định mức độ tự chủ của từng đơn vị; đánh giá các khoản thu phí được để lại theo quy định của pháp luật đối với các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên 2021

Thực hiện các nội dung đánh giá theo quy định tại Điều 4 Chương I Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26/7/2021 của Bộ Tài chính, trong đó:

a) Đánh giá tình hình triển khai phân bổ, giao dự toán và thực hiện dự toán chi thường xuyên 6 tháng đầu năm, dự kiến khả năng thực hiện cả năm 2021 chi tiết theo từng lĩnh vực chi được giao, trong đó, bên cạnh việc đánh giá các nhiệm vụ chi theo dự toán, tập trung làm rõ các nhiệm vụ chi phát sinh để ứng phó với đại dịch Covid-19, phòng chống thiên tai, đảm bảo quốc phòng, an ninh và an sinh xã hội.

b) Báo cáo cụ thể tiến độ và kết quả thực hiện từng nhiệm vụ chi được giao, trong đó, nêu rõ các nhiệm vụ đã hoàn thành, các nhiệm vụ chưa hoàn thành, nguyên nhân, các khó khăn, vướng mắc và kiến nghị, đề xuất.

c) Đối với các chế độ, chính sách:

- Đánh giá tổng thể toàn bộ các chính sách, chế độ; rà soát, xác định các nhiệm vụ, chính sách, chế độ kết thúc; những khó khăn, vướng mắc và đề xuất biện pháp xử lý về cơ chế, chính sách trong tổ chức thực hiện, kiến nghị bổ sung, sửa đổi các nhiệm vụ, chính sách, chế độ không phù hợp với thực tế.

- Đánh giá tình hình thực hiện các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn năm 2021 đối với từng chính sách, có báo cáo cụ thể đối tượng, nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách (có thuyết minh cơ sở xác định, cách tính) và chênh lệch so với số kinh phí NSNN đã bố trí; trường hợp có các đối tượng tăng/giảm đề nghị thuyết minh cụ thể nhu cầu kinh phí tăng hoặc giảm.

- Tình hình triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ người dân, gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo các Nghị quyết của Chính phủ số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19, Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 19/10/2020, Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08/2/2021 của Chính phủ về chi phí cách ly y tế, khám, chữa bệnh và một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch COVID-19, Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ về chi hỗ trợ tiền ăn và bồi dưỡng chống dịch COVID-19 trong 05 ngày Tết Nguyên Đán năm Tân Sửu 2021, Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19; tình hình thực hiện Nghị quyết số Nghị quyết 21/NQ-CP ngày 26/02/2021 của Chính phủ về mua và sử dụng vắc xin phòng Covid-19 và hỗ trợ kinh phí phòng, chống thiên tai, dịch bệnh khác và các chế độ, chính sách của Tỉnh trong phòng, chống dịch Covid-19.

Đối với từng chính sách, các cơ quan, đơn vị có báo cáo cụ thể đối tượng (trong đó chi tiết đối tượng theo quy định của Trung ương và đối tượng theo quy định của tỉnh), kinh phí thực hiện chính sách năm 2021 (có thuyết minh cơ sở xác định, cách tính).

d) Đánh giá việc thực hiện cắt giảm, tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ.

e) Đánh giá thực hiện tinh giản biên chế, đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy: Kết quả đạt được trong 6 tháng đầu năm, ước cả năm 2021 và lũy kế thực hiện trong giai đoạn 2016-2021, chi tiết theo từng mục tiêu, nhiệm vụ tại các văn bản quy định của Trung ương và của tỉnh; trong đó làm rõ:

- Số giảm biên chế, giảm đầu mối tổ chức bộ máy.

- Số kinh phí NSNN tiết kiệm được do giảm biên chế, giảm tổ chức bộ máy, trong đó số sử dụng để thực hiện cải cách tiền lương.

- Số kinh phí phải bố trí từ NSNN để thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo các quy định của Trung ương và của Tỉnh.

f) Đánh giá thực hiện đổi mới khu vực sự nghiệp công:

- Kết quả sắp xếp, đổi mới hệ thống và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết của Trung ương (Nghị quyết số 19-NQ/TW), Nghị định của Chính phủ (Nghị định số 16/2015/NĐ-CP và các Nghị định quy định cơ chế tự chủ trong từng lĩnh vực) và các văn bản chỉ đạo

của Tỉnh (Chương trình hành động số 28-CTr/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Quyết định số 3113/QĐ-UBND, Quyết định số 1770/QĐ-UBND và Quyết định số 1220/QĐ-UBND của UBND tỉnh) cụ thể trong 6 tháng đầu năm, ước cả năm 2021 và lũy kế đến hết năm 2021, chi tiết theo từng mục tiêu, trong đó: báo cáo cụ thể dự kiến số lượng và mức độ tự chủ của từng đơn vị; số thu sự nghiệp công, số NSNN chi hỗ trợ và tổng chi (nguồn thu sự nghiệp, nguồn NSNN hỗ trợ) đối với từng lĩnh vực sự nghiệp, từng đơn vị; tổng số biên chế và số lượng biên chế hưởng lương từ NSNN theo từng lĩnh vực sự nghiệp vào thời điểm năm 2021.

- Đánh giá tác động của việc sắp xếp, đổi mới, nâng cao khả năng tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập đến việc bố trí NSNN theo từng lĩnh vực trong năm 2021 và lũy kế đến năm 2021 (trong đó: đánh giá số giảm chi từ NSNN đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo từng lĩnh vực (sự nghiệp y tế, sự nghiệp giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp...) và việc sử dụng số kinh phí NSNN dành ra từ việc nâng cao tính tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập; các khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

g) Đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ chi thường xuyên năm 2021 của các cơ quan hành chính nhà nước đang được hưởng cơ chế đặc thù theo quy định hiện hành, chi tiết: quỹ lương (gồm lương ngạch bậc, các khoản đóng góp theo lương và phần lương tăng thêm theo cơ chế đặc thù - nếu có); chi chuyên môn, nghiệp vụ, chi tiết theo từng nguồn kinh phí (nguồn NSNN, nguồn phí được để lại, nguồn được trích lại qua công tác thanh tra, kiểm toán, nguồn thu nghiệp vụ, nguồn hợp pháp khác).

h) Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên năm 2021 từ nguồn thu phí và thu sự nghiệp công được để lại; nguồn hợp pháp khác của cơ quan, đơn vị theo quy định, chi tiết từng lĩnh vực chi.

i) Tình hình thực hiện các kiến nghị của cơ quan Kiểm toán nhà nước, cơ quan Thanh tra trong lĩnh vực tài chính – NSNN, quản lý tài sản công và kiến nghị trong công tác quyết toán của Sở Tài chính.

3. Đánh giá tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, đề án tỉnh năm 2021:

a) Các cơ quan được giao chủ trì các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, đề án tỉnh giai đoạn 2021-2025 báo cáo cụ thể quá trình xây dựng; xác định các mục tiêu, nhiệm vụ, dự kiến kinh phí theo từng lĩnh vực chi của cả giai đoạn và từng năm trong giai đoạn (chi tiết nguồn NSTW, NSDP; nguồn vốn ĐTPT, chi thường xuyên; nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, đề án, dự án khác; nguồn vốn vay, nguồn vốn huy động khác - nếu có); trong đó báo cáo cụ thể các nhiệm vụ kết thúc, nhiệm vụ mới và kinh phí theo từng nội dung này.

b) Các cơ quan được giao chủ trì các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, đề án tỉnh giai đoạn 2021-2025 báo cáo việc triển khai thực hiện năm 2021, kèm thuyết minh đầy đủ căn cứ pháp lý, khả năng triển khai thực hiện. Đánh giá tình hình phân bổ, giao, thực hiện dự toán chi các chương trình năm 2021 và kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm và khả năng thực hiện cả năm 2021 của các Chương trình (chi tiết theo từng nguồn ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và các nguồn huy động khác nếu có); nêu những thuận lợi, hạn chế, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và đề xuất kiến nghị, giải pháp thực hiện.

c) Đánh giá kết quả triển khai và thực hiện các chương trình, đề án của tỉnh giai đoạn 2016 – 2020 và kết quả thực hiện trong năm 2021 theo Chỉ thị số 27/CT-UBND ngày 03/11/2017 của UBND tỉnh về việc thực hiện Thông báo số 861-TB/TU ngày 28/8/2017 của Tỉnh ủy về các chương trình, đề án trên địa bàn tỉnh; Báo cáo số 45-BC/ĐĐ ngày 24/11/2020 của Đảng đoàn HĐND tỉnh; Công văn số 172/UBND-VP ngày 08/01/2021 của UBND tỉnh về tình hình thực hiện chương trình đề án của tỉnh năm 2020 và việc xây dựng chương trình, đề án giai đoạn 2021 – 2025; Thông báo số 526/TB-UBND ngày 09/7/2021 của UBND tỉnh về kết luận phiên họp UBND tỉnh thường kỳ về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2021 để tổ chức triển khai thực hiện.

4. Đánh giá tình hình thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương năm 2021

Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Chương I Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26/7/2021 của Bộ Tài chính.

5. Đánh giá kế hoạch tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách năm 2021

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Chương I Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26/7/2021 của Bộ Tài chính.

B. XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

Đề nghị các cơ quan, đơn vị xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 theo các nội dung hướng dẫn tại Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14 Chương II Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26/7/2021 của Bộ Tài chính.

Trong đó, lưu ý nội dung sau:

1. Yêu cầu và căn cứ xây dựng dự toán

a) Dự toán NSNN năm 2022 được xây dựng theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn; có đầy đủ thuyết minh cơ sở pháp lý, căn cứ tính toán.

b) Việc xây dựng dự toán NSNN năm 2022 phải đảm bảo theo đúng và đầy đủ căn cứ pháp lý và yêu cầu lập dự toán NSNN theo quy định tại Điều 41 và Điều 42 của Luật Ngân sách nhà nước, trong đó lưu ý: **Dự toán chi thường xuyên phải được lập trên cơ sở nhiệm vụ được giao, nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.**

c) Trên cơ sở đánh giá thực hiện năm 2021; các nội dung trình phê duyệt về mục tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính; mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 thực hiện theo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ; định hướng mục tiêu, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và địa phương giai đoạn 2021-2025; các cơ quan, đơn vị xác định nhiệm vụ trọng tâm thực hiện trong năm 2022, chủ động sắp xếp các khoản chi và thứ tự ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện năm 2022 trên cơ sở khả năng nguồn lực (bao gồm cả nguồn hợp pháp khác theo quy định); triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu lập dự toán.

d) Các cơ quan, đơn vị quản lý ngành, lĩnh vực khi xây dựng dự toán cần tính tới việc rà soát tổng thể các chế độ, chính sách (nhất là các chính sách an sinh xã hội)

để bãi bỏ, hoặc lồng ghép theo thẩm quyền, hoặc trình cấp có thẩm quyền bãi bỏ, lồng ghép các chính sách chồng chéo, trùng lặp, kém hiệu quả; chỉ đề xuất ban hành chính sách làm tăng chi ngân sách khi thật sự cần thiết và có nguồn đảm bảo; chủ động dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện và huy động các nguồn lực tương ứng các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định; không bố trí dự toán chi cho các chính sách chưa ban hành.

e) Tập trung chỉ đạo, xử lý, giải quyết ngay từ khâu xây dựng dự toán những tồn tại, sai phạm trong quản lý tài chính, ngân sách đã được cơ quan thanh tra, kiểm toán phát hiện, kiến nghị theo đúng quy định của pháp luật.

2. Xây dựng dự toán thu

a) Dự toán thu năm 2022 phải được xây dựng ở mức phấn đấu tích cực, khả thi, theo đúng các quy định của pháp luật, bám sát tình hình kinh tế - xã hội, theo chính sách, chế độ hiện hành; tính toán kỹ các yếu tố tăng, giảm và dịch chuyển nguồn thu do thay đổi cơ chế, chính sách và thay đổi bất thường do tác động của đại dịch Covid-19.

Dự toán thu phải tính đúng, tính đủ và phấn đấu **tăng bình quân 6-8%** so với đánh giá ước thực hiện năm 2021.

b) Dự toán thu phí, lệ phí (thuộc danh mục quy định của Luật Phí và lệ phí): Các cơ quan, đơn vị ước số thu phí, lệ phí thực hiện năm 2021, dự kiến những yếu tố tác động đến số thu năm 2022 để xây dựng dự toán thu 2022 phù hợp, tích cực, cụ thể theo từng khoản thu phí, lệ phí (chi tiết tổng số thu, số được để lại chi theo chế độ đối với từng lĩnh vực chi tương ứng, số nộp NSNN theo quy định).

c) Đối với khoản thu phí, thu dịch vụ sự nghiệp công, học phí, giá dịch vụ y tế, các khoản thu hợp pháp khác được để lại cho cơ quan, đơn vị sử dụng theo quy định: các cơ quan, đơn vị phải lập dự toán riêng, thuyết minh cơ sở tính toán và xây dựng phương án sử dụng gửi cơ quan quản lý cấp trên, báo cáo Sở Tài chính theo quy định. Các cơ quan, đơn vị tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn từ nguồn thu này và các khoản thu khác được để lại chi để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.

3. Xây dựng dự toán chi thường xuyên

Các cơ quan, đơn vị thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 12 Chương II Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26/7/2021 của Bộ Tài chính.

Trong đó, lưu ý:

3.1. Nguyên tắc chung

a) Xây dựng dự toán chi NSNN năm 2022 theo đúng quy định của Luật NSNN, các Luật có liên quan và các văn bản hướng dẫn.

b) Tiếp tục quán triệt nguyên tắc công khai, minh bạch và yêu cầu thực hiện chống lãng phí ngay từ khâu xác định nhiệm vụ; chủ động rà soát các chính sách, nhiệm vụ trùng lặp, sắp xếp thứ tự ưu tiên các khoản chi thực hiện theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện năm 2022 để hoàn thành các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở nguồn NSNN được phân bổ và các nguồn huy động hợp pháp khác.

c) Dự toán chi thường xuyên phải được lập trên cơ sở nhiệm vụ được giao, nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

3.2. Xây dựng dự toán chi thường xuyên

a) Căn cứ nhiệm vụ chính trị, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 và số kiểm tra dự toán thu, chi ngân sách năm 2022, căn cứ các chính sách, chế độ, định mức chi NSNN; các đề án, nhiệm vụ theo phê duyệt của cấp thẩm quyền các cơ quan, đơn vị xây dựng dự toán chi thường xuyên chi tiết theo từng lĩnh vực chi, đảm bảo đáp ứng các nhiệm vụ chính trị quan trọng, thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ Nhà nước đã ban hành, nhất là các chính sách chi cho con người, chi an sinh xã hội, các chính sách cho người dân trong bối cảnh còn nhiều khó khăn do thiên tai, dịch bệnh.

b) Dự toán chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản phải căn cứ quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản công hiện hành; kinh phí sửa chữa, bảo trì cơ sở vật chất theo quy định. Không bố trí chi thường xuyên cho các nhiệm vụ mới về cải tạo, nâng cấp, mở rộng theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn.

Việc xây dựng dự toán kinh phí sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất phải thực hiện theo quy định tại Thông tư số 92/2017/TT-BTC ngày 18/9/2017 của Bộ Tài chính.

c) Xây dựng dự toán chi thường xuyên năm 2022 của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể:

- Phải gắn với mục tiêu sắp xếp lại tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế theo hướng dẫn tại Điểm b, Khoản 4 Điều 12 Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26/7/2021 của Bộ Tài chính.

- Xây dựng dự toán chi hoạt động năm 2022 theo hướng dẫn tại Điểm d Khoản 4 Điều 12 Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26/7/2021 của Bộ Tài chính.

- Thực hiện tiết kiệm tối thiểu 10% chi thường xuyên (ngoài chi lương, các khoản đóng góp theo lương theo quy định, các khoản chi cho con người) so với dự toán năm 2021; tiết giảm các nhiệm vụ chi không thực sự cấp bách như: đoàn ra, đoàn vào, khánh tiết, hội thảo, hội nghị.

d) Xây dựng dự toán chi hoạt động năm 2022 nguồn NSNN của các đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng trên cơ sở các mục tiêu về đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW và quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và thực hiện theo hướng dẫn tại Điểm c Khoản 4 Điều 12 Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26/7/2021 của Bộ Tài chính, trong đó:

- Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm toàn bộ chi đầu tư và chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước không hỗ trợ chi thường xuyên. Đơn vị thực hiện báo cáo đầy đủ nguồn thu, nhiệm vụ chi năm hiện hành và dự kiến năm kế hoạch; gửi cơ quan quản lý cấp trên tổng hợp, gửi Sở Tài chính cùng thời điểm xây dựng dự toán NSNN hàng năm.

- Các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên xây dựng dự toán chi NSNN giai đoạn 2022-2025 giảm tối thiểu 15% so với dự toán chi NSNN giai đoạn 2017-2021, dự toán chi năm 2022 giảm tối thiểu 2,5% chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước, giảm biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước tương ứng mức giảm chi thường xuyên từ ngân sách.

- Các đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Tiếp tục giảm bình quân 10% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước so với giai đoạn 2016-2020, dự toán chi năm 2022 giảm tối thiểu 2% chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước trừ các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu do ngân sách nhà nước bảo đảm.

e) Một số lưu ý khi xây dựng dự toán NSNN năm 2022 đối với một số lĩnh vực sự nghiệp (*chi sự nghiệp khoa học và công nghệ; chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề; chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình; chi các hoạt động kinh tế ...*) thực hiện theo hướng dẫn tại Điểm d, Khoản 4 Điều 12 Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26/7/2021 của Bộ Tài chính.

f) Lập dự toán kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách an sinh xã hội đã được cấp có thẩm quyền ban hành và có hiệu lực trong năm 2022, (kèm theo thuyết minh cụ thể số lượng, đối tượng, mức chi và nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách năm 2022).

g) Sở Y tế chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan để lập dự toán kinh phí cho công tác phòng chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh năm 2022 theo đúng quy định.

3.3. Lập dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình theo quy định của Trung ương:

Các cơ quan, đơn vị thực hiện theo hướng dẫn tại Khoản 8 Điều 12 Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26/7/2021 của Bộ Tài chính. Trong đó, lưu ý:

Ngày 23/8/2016, UBND tỉnh đã có công văn số 6819/UBND-VP ngày 23/8/2016 về việc đề xuất các Bộ quản lý CTMTQG, CTMT bổ sung vốn sự nghiệp; theo đó, UBND tỉnh chỉ đạo: *“Giao các sở, Ban, ngành, các cơ quan, đơn vị là chủ chương trình: ... Từ năm 2017 trên cơ sở nhiệm vụ được giao và nhu cầu vốn của địa phương, có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh đề xuất với các Bộ quản lý CTMTQG, CTMT bố trí kinh phí sự nghiệp cho các chương trình theo quy định.”*

Để đảm bảo việc xây dựng dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình năm 2022 theo quy định của Trung ương, đề nghị các cơ quan, đơn vị:

- Các cơ quan là chủ chương trình tại địa phương có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan rà soát các căn cứ pháp lý và các quy định về việc thực hiện các chương trình trong năm 2022 và chủ động liên hệ với các Bộ quản lý chương trình để được hướng dẫn việc thực hiện các CTMTQG, Chương trình năm 2022 (bao gồm: hướng dẫn về việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ chuyên môn từng dự án của chương trình, cơ chế tài chính thực hiện các chương trình trong năm 2022).

- Các cơ quan là chủ chương trình chủ trì lập dự toán chi ngân sách năm 2022 của từng Chương trình chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình năm 2022 do Trung ương phê duyệt (chi tiết theo từng lĩnh vực chi, chi tiết theo từng nguồn vốn, từng dự án, nội dung, nhiệm vụ, kinh phí sự nghiệp, vốn đầu tư, nguồn NSTW, nguồn đối ứng NSĐP ...) tham mưu UBND tỉnh có văn bản đề xuất Bộ quản lý CTMTQG,

CTMT, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính bố trí kinh phí thực hiện các chương trình năm 2022 cho tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo quy định, đồng gửi Sở Tài chính (kèm thuyết minh cụ thể về căn cứ pháp lý, cơ sở dự toán kinh phí).

3.4. Lập dự toán chi Chương trình, đề án của tỉnh:

Các cơ quan, đơn vị căn cứ vào Chương trình, Đề án tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ triển khai thực hiện trong năm 2022 để lập dự toán kinh phí thực hiện Chương trình, đề án của tỉnh năm 2022.

Việc thực hiện các chương trình, đề án tỉnh phải đảm bảo theo Chỉ thị số 27/CT-UBND ngày 03/11/2017 của UBND tỉnh về việc thực hiện Thông báo số 861-TB/TU ngày 28/8/2017 của Tỉnh ủy về các chương trình, đề án trên địa bàn tỉnh; Báo cáo số 45-BC/ĐĐ ngày 24/11/2020 của Đảng đoàn HĐND tỉnh; Công văn số 172/UBND-VP ngày 08/01/2021 của UBND tỉnh về tình hình thực hiện chương trình đề án của tỉnh năm 2020 và việc xây dựng chương trình, đề án giai đoạn 2021 – 2025; Thông báo số 526/TB-UBND ngày 09/7/2021 của UBND tỉnh về kết luận phiên họp UBND tỉnh thường kỳ về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2021 để tổ chức triển khai thực hiện.

3.5. Lập dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương năm 2022:

Thực hiện theo hướng dẫn tại Khoản 10 Điều 12 Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26/7/2021 của Bộ Tài chính.

3.6. Lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế:

Việc lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2022 theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP, Nghị định số 143/2020/NĐ-CP, Nghị định số 26/2015/NĐ-CP, Thông tư số 31/2019/TT-BTC ngày 05/6/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định nguồn kinh phí và việc lập dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế.

3.7. Dự toán chi sự nghiệp từ nguồn thu được để lại theo chế độ:

Thực hiện lập dự toán chi từ nguồn thu được để lại báo cáo cấp có thẩm quyền theo biểu mẫu quy định tại Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính và theo hướng dẫn tại Khoản 13 Điều 12 Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26/7/2021 của Bộ Tài chính.

3.8. Các cơ quan, đơn vị khẩn trương xây dựng nhiệm vụ, kế hoạch thực hiện và dự toán kinh phí năm 2022 và tham mưu UBND tỉnh phê duyệt, để có cơ sở lập và bố trí dự toán ngân sách năm 2022 (đặc biệt các nhiệm vụ chi đặc thù, nhiệm vụ chi không thường xuyên, mua sắm, sửa chữa ...).

Trường hợp, tại thời điểm thảo luận dự toán, các nhiệm vụ trên chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương và dự toán kinh phí thực hiện, Sở Tài chính không có cơ sở để tổng hợp và tham mưu UBND tỉnh, trình HĐND tỉnh bố trí dự toán năm 2022 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

4. Xây dựng kế hoạch tài chính các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

Trên cơ sở kết quả rà soát, đánh giá các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, các cơ quan, đơn vị được giao quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân

sách dự kiến kế hoạch cơ cấu lại, sáp nhập, dừng, giải thể các quỹ hoạt động không hiệu quả, chưa theo đúng quy định của pháp luật trong năm 2022; lập kế hoạch thu - chi tài chính năm 2022 đối với các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách còn tiếp tục hoạt động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật NSNN và quy định của pháp luật có liên quan, gửi kèm báo cáo dự toán NSNN năm 2022 của cơ quan, đơn vị mình tới Sở Tài chính (trong đó, thuyết minh chi tiết về số dư đầu năm; số phát sinh thu từ NSNN cấp, từ huy động, tài trợ,... trong năm; số chi cho các nhiệm vụ trong năm; tình hình biến động về vốn điều lệ, nguồn vốn hoạt động của các Quỹ này).

C. LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH – NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 03 NĂM GIAI ĐOẠN 2022 - 2024

Các cơ quan, đơn vị nghiên cứu các nội dung quy định tại Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18 Chương III Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26/7/2021 của Bộ Tài chính và quy định tại Mục 2, Mục 3 Chương III Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017 của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn, để thực hiện lập kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm giai đoạn 2022– 2024 theo quy định.

D. VỀ MẪU BIỂU LẬP DỰ TOÁN VÀ THỜI GIAN GỬI DỰ TOÁN NĂM 2022 VÀ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH – NSNN GIAI ĐOẠN 2022 - 2024

I. Về mẫu biểu dự toán

1. Đối với dự toán năm 2022

- Báo cáo theo mẫu biểu quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP (*mẫu biểu cho các cơ quan đơn vị được hướng dẫn tại Điều 12 của Thông tư số 342/2016/TT-BTC*).

- Báo cáo theo *mẫu biểu số 01, 02 (a, b, c, d), 03* ban hành kèm theo Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26/7/2021 của Bộ Tài chính.

- Đối với dự toán thu, chi NSNN từ sắp xếp lại, xử lý nhà đất được lập chi tiết theo các mẫu biểu số 04, 05 ban hành kèm theo Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26/7/2021 của Bộ Tài chính.

2. Đối với kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm giai đoạn 2022 – 2024

Báo cáo theo các *mẫu biểu số 01 đến số 06 và mẫu biểu từ số 13 đến số 19* ban hành kèm theo Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017 của Bộ Tài chính, *trong đó, đối với chi thường xuyên ngân sách, các cơ quan, đơn vị tập trung báo cáo các mẫu biểu số: 01, 06, 13, 16, 17, 18, 19.*

3. Đối với Chương trình Mục tiêu Quốc gia, Chương trình, Đề án của tỉnh:

Ngoài các mẫu biểu đã quy định tại Điểm 1, Điểm 2 nêu trên, các cơ quan báo cáo bổ sung theo *Biểu mẫu số 01 đính kèm công văn này.*

4. Đối với các chế độ, chính sách chi an sinh xã hội:

Ngoài các mẫu biểu đã quy định tại Điểm 1, Điểm 2 nêu trên, các cơ quan đơn vị báo cáo số liệu:

a) Theo mẫu biểu tại các văn bản quy định cho từng chế độ, chính sách hiện hành.

b) Theo mẫu biểu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26/7/2021 của Bộ Tài chính.

Báo cáo số liệu cần tách rõ đối tượng, nhu cầu kinh phí theo quy định của Trung ương và đối tượng, nhu cầu kinh phí theo quy định của Tỉnh (trường hợp tỉnh mở rộng đối tượng, nâng mức chi so với Trung ương hoặc ban hành chính sách đặc thù của tỉnh).

II. Thời gian gửi báo cáo dự toán

Các cơ quan, đơn vị thực hiện đánh giá dự toán năm 2021, đồng thời, lập dự toán năm 2022 và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm giai đoạn 2022 - 2024 theo đúng các mẫu biểu quy định trên, gửi về Sở Tài chính **trước ngày 20/8/2021**.

Quá thời hạn nêu trên, các cơ quan, đơn vị chưa gửi báo cáo hoặc có gửi báo cáo nhưng nội dung không đảm bảo yêu cầu và chưa đúng biểu mẫu quy định, thì Sở Tài chính không có cơ sở để tổng hợp, thẩm định để trình cấp có thẩm quyền bố trí dự toán năm 2022 cho các cơ quan, đơn vị và xem như các đơn vị chấp nhận theo số thẩm định của Sở Tài chính và theo thông báo số kiểm tra phân bổ dự toán năm 2022.

E. CHUẨN BỊ HỒ SƠ, TÀI LIỆU DỰ TOÁN 2022 ĐỂ LÀM VIỆC VỚI BỘ TÀI CHÍNH VÀ BỘ NGÀNH, TRUNG ƯƠNG

Để chuẩn bị tốt cho công tác thảo luận dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 giữa UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với các Bộ, ngành Trung ương, Sở Tài chính đề nghị Quý cơ quan, đơn vị khẩn trương thực hiện các nội dung như sau:

1. Rà soát tất cả các nhiệm vụ chi do Trung ương ban hành và thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách Trung ương và các nhiệm vụ chi có nhu cầu kinh phí lớn, cần thiết đề nghị Trung ương bổ sung kinh phí cho Tỉnh để tham mưu UBND tỉnh có văn bản đề nghị Bộ quản lý ngành, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư bố trí kinh phí từ ngân sách Trung ương năm 2022 cho Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu *trước ngày 10/8/2021, đồng gửi Sở Tài chính.*

Trong đó lưu ý:

1.1. Đối với kinh phí Chương trình mục tiêu Quốc gia, các Chương trình do Trung ương ban hành:

Đề nghị các Sở, ngành là chủ chương trình (Sở Nông nghiệp & PTNT, Sở Lao động - TB&XH, Sở Y tế, Sở Văn hóa - Thể thao, Sở Kế hoạch & Đầu tư, Sở Tài nguyên & Môi trường, Sở Giáo dục & Đào tạo, Sở Công Thương ...) phối hợp với các cơ quan có liên quan:

- Rà soát các căn cứ pháp lý và các quy định về việc thực hiện các chương trình trong năm 2022 và chủ động liên hệ với các Bộ quản lý chương trình để được hướng dẫn việc thực hiện các CTMTQG, chương trình năm 2022 (bao gồm: hướng dẫn về việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ chuyên môn từng dự án của chương trình, cơ chế tài chính thực hiện các chương trình trong năm 2022).

- Khẩn trương thực hiện lập dự toán chi thực hiện các chương trình (chi tiết theo từng nguồn vốn, từng dự án, nội dung, nhiệm vụ, kinh phí sự nghiệp, vốn đầu tư, nguồn NSTW, nguồn đối ứng NSĐP) và tham mưu UBND tỉnh có văn bản đề xuất Bộ quản lý CTMTQG, CTMT, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính bố trí kinh phí thực

hiện các chương trình năm 2022 cho tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đồng gửi Sở Tài chính (*Báo cáo theo Biểu mẫu số 11.1 và 11.2 ban hành kèm theo Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính và Biểu mẫu số 01 đính kèm công văn này*).

1.2. Đối với kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách an sinh xã hội: Các đơn vị thực hiện chính sách an sinh xã hội (Sở Lao động - TB&XH, Sở Giáo dục - Đào tạo, Sở Y tế, Sở Nội vụ, Sở Nông nghiệp và PTNT, Ban Dân tộc, Sở Xây dựng, Bảo hiểm xã hội tỉnh ...) khẩn trương phối hợp với các đơn vị có liên quan lập dự toán kinh phí để thực hiện các chính sách, an sinh xã hội năm 2022 gửi Sở Tài chính, lưu ý:

+ Báo cáo số liệu cần tách rõ đối tượng, nhu cầu kinh phí theo quy định của Trung ương và đối tượng, nhu cầu kinh phí theo quy định của tỉnh (trường hợp tỉnh mở rộng đối tượng, nâng mức chi so với Trung ương hoặc ban hành chính sách đặc thù của tỉnh).

+ Về mẫu biểu báo cáo: Theo hướng dẫn tại Điểm 4 Mục I Phần D của Công văn này.

1.3. Một số nhiệm vụ khác như: Kinh phí phòng chống dịch bệnh (kinh phí phòng chống dịch bệnh Covid-19,...), kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông, kinh phí quản lý bảo trì đường bộ, kinh phí hỗ trợ Hội Văn học nghệ thuật, kinh phí hỗ trợ các Hội Nhà báo, ...

2. Nêu các khó khăn, vướng mắc và các nội dung cần kiến nghị với các Bộ, ngành Trung ương trong quá trình thực hiện.

3. Chuẩn bị các hồ sơ, tài liệu về dự toán ngân sách năm 2022 và chủ động liên hệ với Bộ quản lý ngành, lĩnh vực để đăng ký làm việc về dự toán ngân sách năm 2022 và đề nghị Trung ương bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi tại Tỉnh theo quy định.

Sở Tài chính đề nghị Quý cơ quan, đơn vị khẩn trương nghiên cứu và tổ chức thực hiện. Trong công tác tổ chức thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc đề nghị Quý cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Tài chính để kịp thời phối hợp xử lý./.

(*Đính kèm:*

- *Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26/7/2021 của Bộ Tài chính.*

- *Biểu mẫu số 01 kèm theo công văn này.*)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc Sở;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Các phòng chuyên môn thuộc Sở;
- Website Sở Tài chính;
- Lưu VT, HCSN (luân).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Thế Thời